

BẢN TIN MÙA
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY
LỢI CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2018-2019

Lưu vực sông Gianh - Nhật Lệ và phụ cận, tỉnh Quảng Bình

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa cộng dồn 1.6.2018 đến nay (mm)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo từ nay đến trước vụ ĐX 2018-2019 (mm)	Dự báo tình hình mưa trong vụ sản xuất ĐX 2018-2019 (mm)
			Trung bình nhiều năm	Năm 2017	Năm 2016		
	Vùng sông Gianh						
1	Ba Đồn	873,2	-41	-41	-62	61	134
2	Tuyên Hóa	1023,9	-43	-54	-67	33	146
3	Đồng Tâm	994,0	-47	-47	-57	32	137
	Trung bình vùng S Gianh	973,0				40	139
	Vùng Nhật Lệ						
4	Đồng Hới	654,0	-58	-61	-73	96	124
5	Lệ Thủy	971,0	-41	-21	-60	85	180
6	Kiến Giang	960,0	-46	-30	-55	74	163
	Trung bình vùng Nhật Lệ	819,1				81	147

Nhận xét:

- **Lượng mưa cộng dồn từ 1/6-nay:** Lượng mưa lũy tích từ đầu tháng 6/2018 đến thời điểm hiện tại tại vùng lưu vực sông Gianh ở Quảng Bình thấp hơn so với TBNN từ 41-47%; Vùng sông Nhật Lệ thấp hơn TBNN từ 41-58%. So với cùng kỳ năm 2017, toàn vùng sông Gianh thấp hơn từ 41-54%; Vùng sông Nhật Lệ thấp hơn từ 21-61%.



- **Nhận định mưa từ nay đến 15/12/2018:** Dự báo lượng mưa từ nay đến đầu vụ Đông Xuân 2018-2019 tại các trạm trên lưu vực sông Gianh ở Quảng Bình có khả năng thấp hơn TBNN từ 65-80%; vùng sông Nhật Lệ có thể thấp hơn từ 58-76%. So với cùng kỳ năm 2017, vùng sông Gianh thấp hơn khoảng 70% riêng trạm Đồng Tâm cao hơn 51%, vùng sông Nhật Lệ thấp hơn từ 60-75%. So với cùng kỳ năm 2016, vùng sông Gianh thấp hơn từ 65-85%; vùng sông Nhật Lệ thấp hơn khoảng từ 68-84%

- **Nhận định mưa vụ Đông xuân 2018-2019:** Dự báo lượng mưa vụ Đông Xuân năm 2018-2019 sắp tới, tại các trạm vùng lưu vực sông Gianh ở Quảng Bình có khả năng thấp hơn so với TBNN từ 54-59%; Vùng Nhật Lệ có thể thấp hơn TBNN từ 48-64; So với cùng kỳ năm 2017-2018, vùng sông Gianh thấp hơn từ 36-72%, vùng sông Nhật Lệ thấp hơn từ 17-68%; So với cùng kỳ năm 2016-2017, vùng sông Gianh có khả năng thấp hơn từ 45-72%; Vùng sông Nhật Lệ có thể thấp hơn khoảng 37-69%.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trừ các hồ chứa thủy lợi

STT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với Wtk (%)	So sánh với cùng kỳ (+/- %)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ đầu vụ ĐX 2018-2019 (%)	Dự kiến W trữ cuối vụ ĐX 2018-2019 (%)
				Trung bình nhiều năm	2017	2016			
1	Minh Cầm (Bẹ)	6,10	68		-33	-32	Giảm	100	75
2	Vực Sanh	3,28	20		-80	-80	Giảm	52	MNC
3	Đồng Ran	5,72	20		-79	-79	Giảm	49	22
4	Vực Nồi	13,60	41		-59	-60	Giảm	64	36
5	Tiên Lang	17,50	29		-70	-70	Giảm	70	40
6	Vực Tròn	52,80	100		+0	+0	Giảm	100	78
7	Sông Thai	6,25	89		+1	-10	Giảm	100	66
8	Trung Thuận	4,05	29		-71	-72	Giảm	81	61
9	Thác Chuối	33,36	30		-41	-43	Tăng	99	66
10	Phú Vinh	22,36	31		-62	-70	Giảm	67	49
11	Rào Đá	82,42	46		-20	-36	Tăng	73	60
12	Cắm Ly	42,00	52		-40	-49	Giảm	67	56
13	An Mã	67,84	43		-34	-58	Giảm	60	61
14	Phú Hòa	8,64	41		-59	-55	Giảm	75	53
15	Thanh Sơn	7,34	50		-48	-48	Giảm	79	73
16	Cửa Nghè	0,81	34		-66	-66	Giảm	68	79
	Trung bình		51		-34	-44		76	60

Ghi chú: *MNC-Mực nước chết*



Nhận xét:

- Hiện tại hầu hết các hồ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có dung tích đạt khoảng trên 30% so với thiết kế, hồ Vực Tròn đầy nước. Trong đó, tổng dung tích của 16 hồ chứa tại tỉnh Quảng Bình đạt 51% so với thiết kế (hồ có tỷ lệ trữ thấp so với thiết kế là hồ Đồng Ran đạt 20% và hồ Vực Sanh cạn nước); thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017 (-34%); năm 2016 (-44%).

- Dự báo xu thế nguồn nước cuối vụ Đông Xuân năm 2018-2019 tại 16 hồ chứa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có 14 hồ giảm so với nguồn nước cuối vụ Đông Xuân năm 2017-2018 và 2 hồ tăng so với nguồn nước vụ Đông xuân năm 2017-2018. Dự báo đến đầu vụ Đông Xuân 2018-2019 dung tích đạt khoảng 76% so với thiết kế.

- Kết quả tính toán cân bằng nước cho thấy đến cuối vụ Đông Xuân 2018-2019 hầu hết các hồ đều đáp ứng nhiệm vụ được giao và dung tích hầu hết của các hồ còn lại đạt trên 50% so với dung tích thiết kế. Có một số hồ đến cuối vụ Đông Xuân dung tích trữ thấp so với thiết kế như hồ Đồng Ran đạt 22% , hồ Vực Nồi đạt 36% và đặc biệt hồ Vực Sanh đến cuối vụ cạn nước. Vì vậy thời gian tới nếu không có mưa bổ sung thì dễ thiếu nước trong vụ Hè Thu 2019.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

1. Các kịch bản hạn hán

❖ Mục tiêu xây dựng kịch bản

Xây dựng được cơ sở dữ liệu nền về nguồn nước, tình hình sản xuất và thiệt hại, làm tham chiếu nhằm phục vụ công tác quản lý điều hành sản xuất nông nghiệp.

❖ Phương pháp thực hiện: Dựa trên 2 nhóm yếu tố chính

(1) Nguồn nước (lượng mưa): Dựa vào (a) QĐ 44/2014/QĐ-TTg hướng dẫn về cấp độ rủi ro thiên tai; (b) “Qui định kỹ thuật về công tác dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ vận hành các hệ thống công trình thủy lợi”. Tổng cục Thủy lợi đang xây dựng.

(2) Dung tích trữ trong hồ chứa và tình hình sản xuất:

- Dung tích trữ trong các hồ chứa tại thời điểm xây dựng kịch bản;
- Diện tích sản xuất, ngừng hoặc chuyển đổi sản xuất (thống kê);
- Diện tích thiệt hại do thiếu nước (thống kê);
- Tình hình thực tế vận hành của hệ thống thủy lợi qua các năm.

❖ Các kịch bản tính toán phục vụ điều hành sản xuất

- Kịch bản nhiều nước (không hạn)
- Kịch bản trung bình (hạn nhẹ)



- Kịch bản ít nước (hạn vừa)
- Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)

1.1. Lượng mưa: Lựa chọn trạm Ba Đồn làm đại diện tính toán xây dựng kịch bản

- Các tần suất mưa tính toán tại trạm Ba Đồn

TT	P%	Đông Xuân
		X(mm)
1	25%	349
2	50%	263
3	75%	193

- Các kịch bản nguồn nước

TT	Kịch bản	Lượng mưa(mm)	Tần suất	Năm tương ứng
1	Kịch bản nhiều nước (không hạn)	>349	Mưa (<P25%)	2017, 2018
2	Kịch bản nước trung bình (hạn nhẹ)	263÷349	Mưa (P25-50%)	2016, 2011
3	Kịch bản ít nước (hạn vừa)	193÷263	Mưa (P50-P75%)	2012, 2010
4	Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)	<193	Mưa (>P75%)	2009

1.2. Dung tích trữ các hồ chứa và tình hình sản xuất

TT	Kịch bản	Nguồn nước trữ hồ chứa (triệu m ³)	Năm tương tự đã xảy ra	Phạm vi, mức độ ảnh hưởng (ha)
1	Kịch bản không thiếu nước (không hạn)	281÷374,1 (đạt từ 75% -100% DTTK)	2017, 2018	0
2	Kịch bản thiếu nước nhẹ (hạn nhẹ)	187÷281 (đạt từ 50% -75% DTTK)	2011	200÷450
3	Kịch bản ít nước (hạn vừa)	93,5÷187 (đạt từ 25% -50% DTTK)	2010	500÷1.000
4	Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)	<93,5 (nhỏ hơn 25% DTTK)	-	-

1.2. Lựa chọn các kịch bản hạn cho tỉnh Quảng Bình

Vụ Đông Xuân:

- KB không hạn: Đông Xuân 2016-2017
 - + Lượng mưa vụ: 536,4 mm (TBNN 263 mm)
 - + Tổng dung tích các hồ: 310 triệu m³
- KB hạn nhẹ: Đông Xuân 2010-2011
 - + Lượng mưa vụ: 294,3 mm (TBNN 263 mm)
 - + Tổng dung tích các hồ: 257 triệu m³
 - + Tổng diện tích thiếu nước: 422 ha
- KB hạn vừa: Đông Xuân 2009-2010



+ Lượng mưa vụ: 257,6 mm (TBNN 263 mm)

+ Tổng dung tích các hồ: 185 triệu m³

+ Tổng diện tích thiếu nước: 504 ha

❖ **Nhận định vụ Đông Xuân năm 2018-2019**

1. Nguồn nước trữ đầu vụ Đông Xuân 2018-2019: Các hồ ở Quảng Bình có khả năng đạt từ 60%-80% thiết kế.

2. Tình hình mưa: Mưa vụ Đông Xuân 2018-2019 có khả năng thấp hơn TBNN trên dưới 50% .

Vì vậy dự báo vụ Đông Xuân năm 2018-2019 ở tỉnh Quảng Bình có khả năng nằm trong khoảng giữa kịch bản hạn vừa và hạn nhẹ.

2. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Cơ sở tính toán cân bằng nước cho lưu vực sông Gianh - Nhật Lệ:

- Diện tích tưới các công trình thủy lợi: Do hiện nay các địa phương chưa có kế hoạch tưới chi tiết cho các hồ nên trong bản tin này lấy số liệu diện tích các hồ chứa vụ Đông Xuân năm 2017-2018 để tính nhu cầu nước. Tổng nhu cầu nước cho vụ Đông Xuân năm 2018-2019 của 16 công trình phụ trách trên lưu vực sông Gianh - Nhật Lệ là 85 triệu m³.

- Dòng chảy đến các công trình thủy lợi lấy theo số liệu nhận định của TTDBKTTVTW ngày 15/11/2018.

Căn cứ theo dung tích hiện tại của các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, dự báo mưa trong các tháng tiếp theo và nhu cầu sử dụng nước của từng công trình, tính toán cân bằng nước cho từng công trình đã được thực hiện. Kết quả tính toán cho thấy hầu hết các hồ tại tỉnh Quảng Bình đều đáp ứng nhu cầu nước cho tới hết vụ Đông Xuân 2018-2019. Chỉ có hồ Vực Sanh đáp ứng được 77% nhiệm vụ được giao.

Kết quả tính toán cân bằng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân năm 2018-2019 trên lưu vực Sông Gianh - Nhật Lệ được thể hiện dưới bảng sau:

STT	Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2018-2019			Ghi chú
				Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Mình Cầm (Bẹ)	68	292,1	75	100	292,1	
2	Vực Sanh	20	299,3	MNC	77	230,0	Thiếu nước
3	Đồng Ran	20	290,0	22	100	290,0	Có nguy cơ thiếu nước
4	Vực Nồi	41	507,1	36	100	507,1	Cấp nước sinh hoạt 0,0283 triệu m ³



STT	Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2018-2019			Ghi chú
				Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
5	Tiên Lang	29	700,0	40	100	700,0	
6	Vực Tròn	100	1455,2	78	100	1455,2	
7	Sông Thai	89	256,6	66	100	256,6	
8	Trung Thuận	29	154,0	61	100	154,0	
9	Thác Chuối	30	715,5	66	100	715,5	Cấp nước sinh hoạt 2,989 triệu m ³
10	Phú Vinh	31	499,9	49	100	499,9	Cấp nước sinh hoạt 1,801 triệu m ³
11	Rào Đá	46	2181,3	60	100	2181,3	
12	Cẩm Ly	52	627,2	56	100	627,2	
13	An Mã	43	173,6	61	100	173,6	
14	Phú Hòa	41	265,7	53	100	265,7	
15	Thanh Sơn	50	67,5	73	100	67,5	
16	Cửa Nghè	34	0,0	79	Không tưới		

3. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

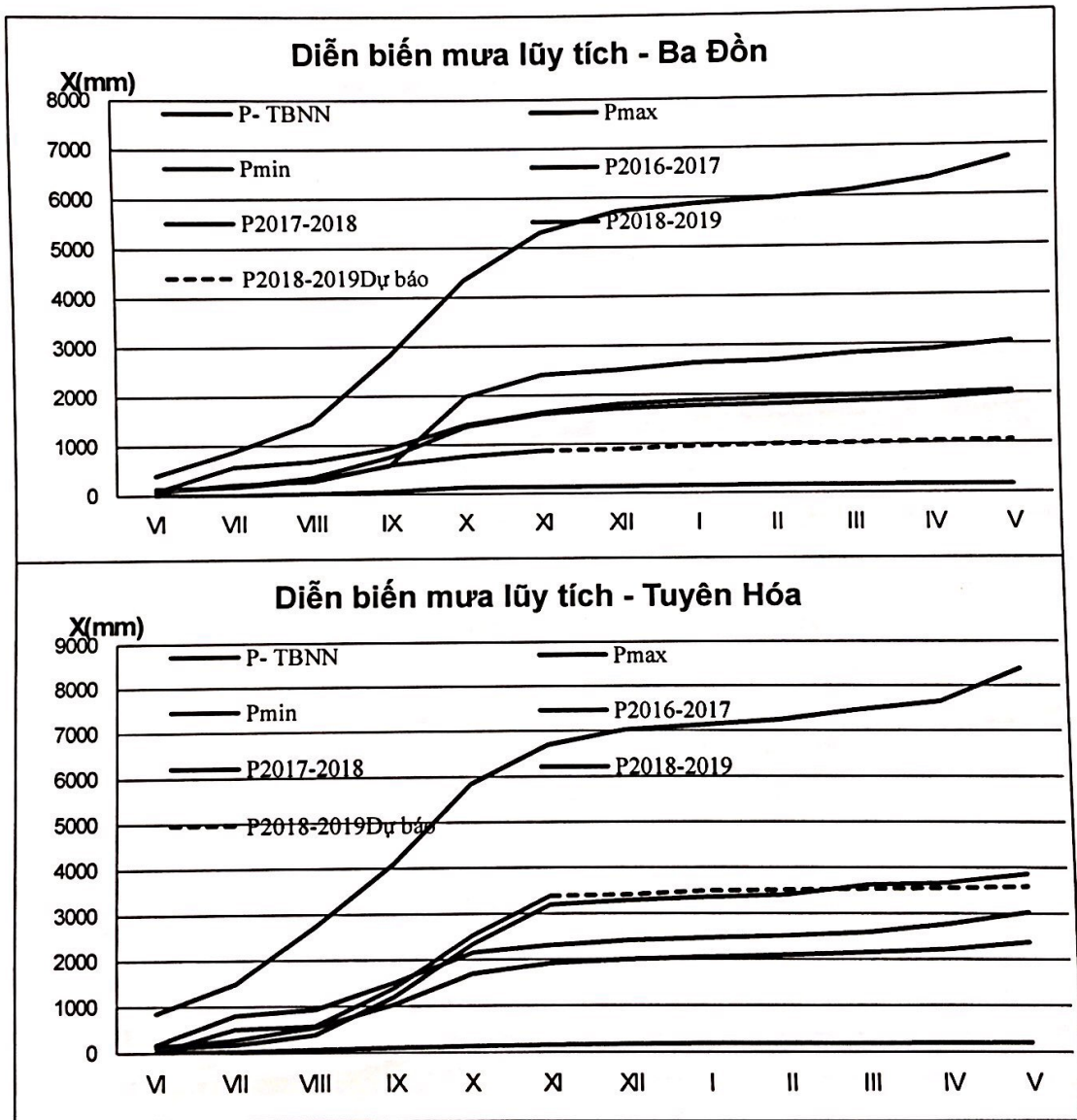
TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	
1	Ba Đồn	H. Quảng Trạch	1067,9	+540	-45	-84	Rủi ro hạn
2	Tuyên Hóa	H. Quảng Trạch	1203,1	+511	-47	-85	Rủi ro hạn
3	Đồng Tâm	H. Quảng Trạch	1162,9	+538	-51	-86	Rủi ro hạn
4	Đồng Hới	Tx. Đồng Hới, H. Lệ Thủy	873,8	+298	-59	-86	Rủi ro hạn
5	Lệ Thủy	H. Lệ Thủy, H. Quảng Ninh	1236,3	+480	-46	-83	Rủi ro hạn
6	Kiến Giang	H. Quảng Trạch	1196,3	+246	-53	-84	Rủi ro hạn

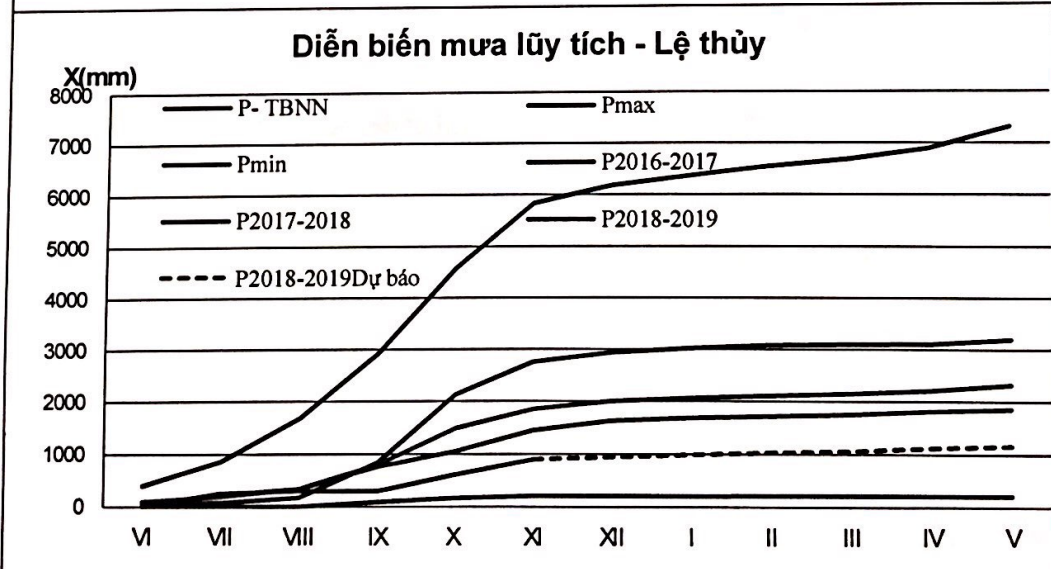
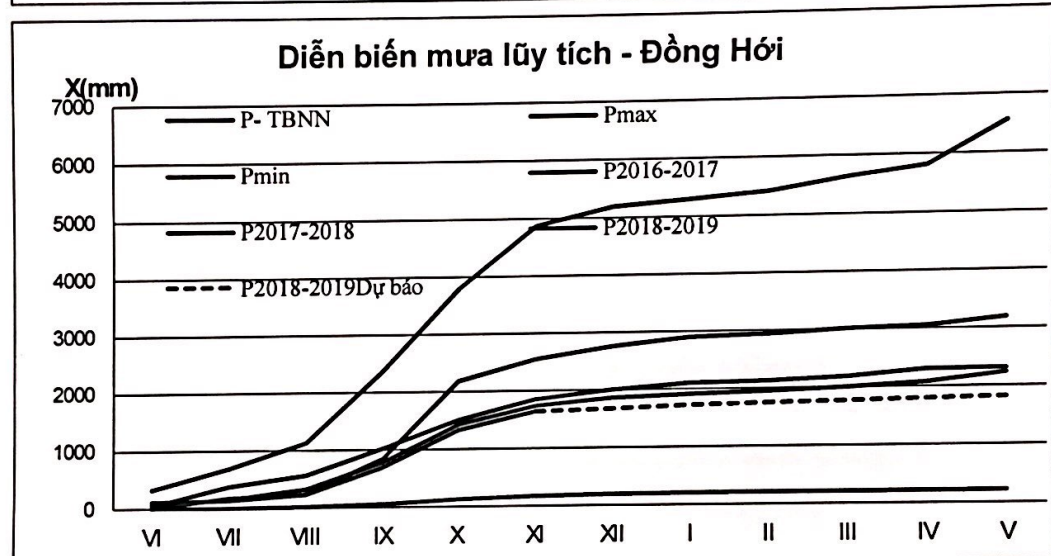
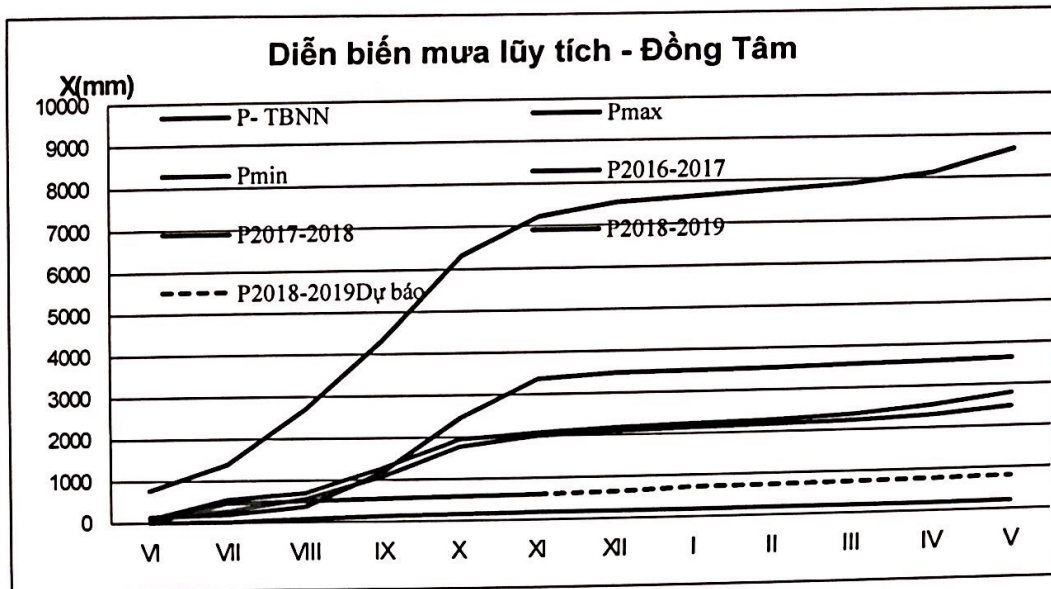


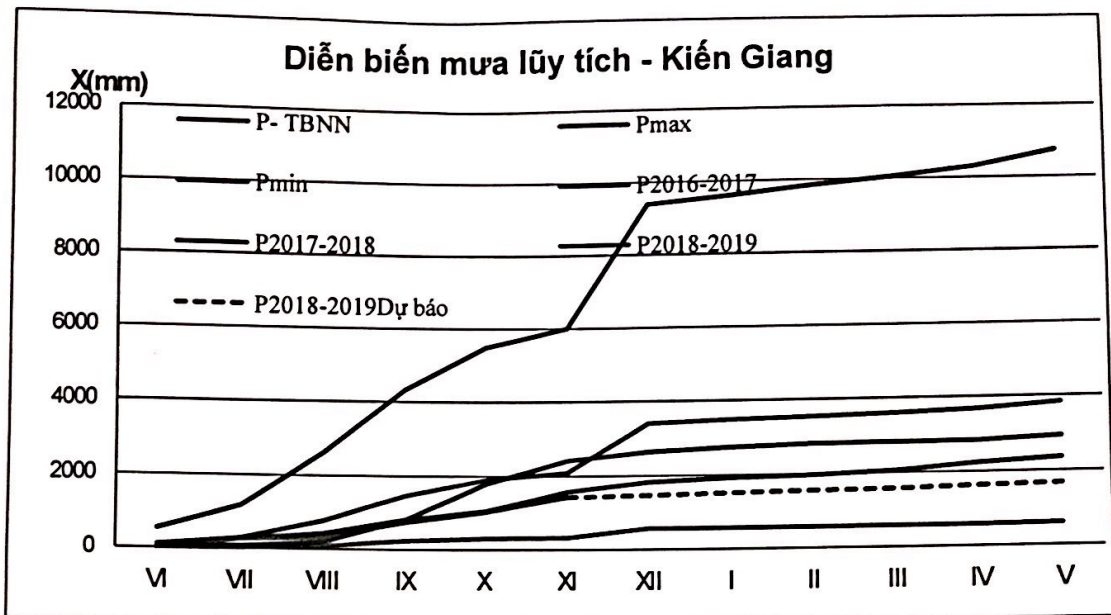
Nhận xét:

Vùng sông Gianh: Lượng mưa cộng dồn từ đầu tháng 6/2018 tính đến thời điểm hiện tại và lượng mưa dự báo tới cuối vụ Đông Xuân năm 2019 toàn vùng đều có thể thấp hơn TBNN từ 46-51%; So với cùng kỳ năm 2017 toàn vùng thiếu hụt khoảng 45 ÷ 58%, khả năng lượng nước có thể cung cấp nước ngầm đảm bảo thấp hơn mức trung bình nhiều năm

Vùng sông Nhật Lệ: Lượng mưa cộng dồn từ đầu tháng 6.2018 tính đến thời điểm hiện tại và lượng mưa dự báo tới cuối vụ Đông Xuân năm 2019 toàn vùng đều có thể thấp hơn TBNN từ 46-59%; So với cùng kỳ năm 2017 toàn vùng thiếu hụt khoảng 32 ÷ 62%, khả năng lượng nước có thể cung cấp nước ngầm đảm bảo thấp hơn mức trung bình nhiều năm







III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

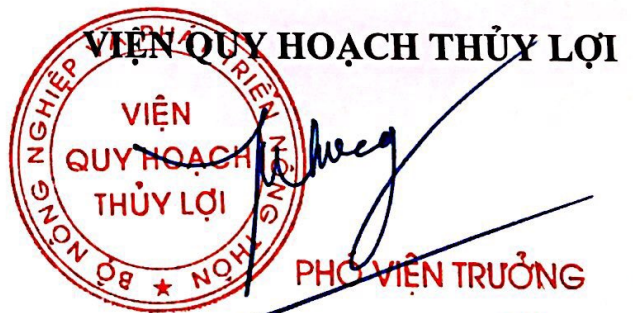
Căn cứ vào tình hình dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng của các hệ thống thủy lợi trên lưu vực sông Gianh - Nhật Lệ cho thấy lượng mưa dự báo trong vụ Đông Xuân 2018-2019 thấp hơn so với trung bình nhiều năm, qua tính toán đến thời điểm hiện tại hầu hết các công trình đều đáp ứng diện tích được giao. Tuy nhiên có một số công trình đến cuối vụ Đông Xuân dung tích trữ thấp so với thiết kế như hồ Đồng Ran, Vực Nồi; Đặc biệt là hồ Vực Sanh đến cuối vụ cạn nước nếu không có mưa bổ sung thì dễ thiếu nước trong vụ Đông Xuân 2018-2019 và Hè Thu năm 2019. Vì vậy các địa phương lưu ý các biện pháp tưới tiết kiệm và tăng cường tích trữ nguồn nước trong hồ.

Thời gian tới đề nghị các địa phương cập nhật diễn biến thời tiết và các bản tin dự báo để có kế hoạch sản xuất và phương án chống hạn hiệu quả trong vụ Đông Xuân 2018-2019.

Bản tin tiếp theo sẽ được phát hành vào ngày 16/12/2018

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Quảng Bình;
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Quảng Bình;
- Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi;



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lương Ngọc Chung

